

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ THI NĂNG KHIẾU ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC
KHÓA 83 ĐỢT 2 NĂM 2025**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành NV1	Ngành NV2	Ghi chú
1	TDS.VLVH.02.001	LÊ NGUYỄN THỊ NHƯ ÁI	01/10/2003	Nữ	HLTT	QLTDTT	
2	TDS.VLVH.02.002	LÊ VĂN BÌNH AN	08/02/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
3	TDS.VLVH.02.003	VŨ ĐỨC DUY AN	05/11/2003	Nam	HLTT	QLTDTT	
4	TDS.VLVH.02.004	NGÔ THỪA ÂN	27/03/2005	Nam	QLTDTT	HLTT	UTXT
5	TDS.VLVH.02.005	NGUYỄN VĂN TÚ ÂN	09/07/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
6	TDS.VLVH.02.006	CHÂU THỊ NGỌC ANH	01/02/2007	Nữ	HLTT	HLTT	
7	TDS.VLVH.02.007	PHẠM NGỌC PHƯƠNG ANH	26/05/2006	Nữ	HLTT	QLTDTT	
8	TDS.VLVH.02.008	HOÀNG GIA BÁCH	22/10/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
9	TDS.VLVH.02.009	NGUYỄN ĐẶNG HUY BẢO	30/06/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	
10	TDS.VLVH.02.010	NGUYỄN GIA BẢO	05/11/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
11	TDS.VLVH.02.011	PHẠM THẾ BẢO	08/01/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
12	TDS.VLVH.02.012	QUÁCH KIM BẢO	19/07/2006	Nam	HLTT	HLTT	
13	TDS.VLVH.02.013	TRẦN CHÍ BẢO	19/01/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
14	TDS.VLVH.02.014	NGUYỄN VIỆT BÌNH	28/10/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	
15	TDS.VLVH.02.015	PHAN TẤN BÌNH	21/02/2002	Nam	HLTT	HLTT	
16	TDS.VLVH.02.016	HỒ NGỌC CẦN	22/10/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
17	TDS.VLVH.02.017	NGUYỄN ĐỨC MINH CHIẾN	20/06/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
18	TDS.VLVH.02.018	NGUYỄN CHÍ CÔNG	22/02/2007	Nam	QLTDTT	HLTT	
19	TDS.VLVH.02.019	PHAN PHẠM TIẾN ĐẠI	02/01/2007	Nam	QLTDTT	QLTDTT	
20	TDS.VLVH.02.020	HOÀNG HẢI ĐĂNG	16/08/2006	Nam	HLTT	HLTT	UTXT
21	TDS.VLVH.02.021	CHÂU PHAN TIẾN ĐẠT	22/01/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
22	TDS.VLVH.02.022	LÊ THÀNH ĐẠT	29/06/2007	Nam	HLTT	YSHTDTT	
23	TDS.VLVH.02.023	NGUYỄN ĐẠT	30/09/2007	Nam	HLTT	YSHTDTT	
24	TDS.VLVH.02.024	TRỊNH DOANH DOANH	25/09/2007	Nữ	HLTT	QLTDTT	
25	TDS.VLVH.02.025	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐỨC	07/04/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	
26	TDS.VLVH.02.026	NGUYỄN ANH ĐỨC	09/06/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	
27	TDS.VLVH.02.027	NGUYỄN HOÀI TRỌNG ĐỨC	03/11/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	
28	TDS.VLVH.02.028	PHẠM MINH ĐỨC	29/03/2003	Nam	HLTT	QLTDTT	
29	TDS.VLVH.02.029	TÔ MINH ĐỨC	25/04/2003	Nam	HLTT	YSHTDTT	
30	TDS.VLVH.02.030	NGUYỄN THỊ TRÚC GIANG	11/01/2007	Nữ	HLTT	QLTDTT	
31	TDS.VLVH.02.031	DƯƠNG GUR RƠ GLIL	26/03/2007	Nữ	HLTT	QLTDTT	UTXT
32	TDS.VLVH.02.032	LÊ TRỌNG HẢI	26/09/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	UTXT
33	TDS.VLVH.02.033	NGUYỄN THÀNH HÂN	21/04/2005	Nam	YSHTDTT	HLTT	
34	TDS.VLVH.02.034	LÊ HOÀI HẬN	25/04/1995	Nam	HLTT	HLTT	UTXT
35	TDS.VLVH.02.035	NGUYỄN MAI LONG HẬU	13/07/2003	Nam	HLTT	YSHTDTT	UTXT
36	TDS.VLVH.02.036	VÕ MINH HẬU	18/09/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
37	TDS.VLVH.02.037	NGUYỄN LÊ MINH HIẾU	23/06/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	
38	TDS.VLVH.02.038	NGUYỄN KIM HOÀNG	01/01/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	



582

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành NV1	Ngành NV2	Ghi chú
39	TDS.VLVH.02.039	NGUYỄN MINH HOÀNG	21/10/2002	Nam	YSHTD TT	QLTD TT	
40	TDS.VLVH.02.040	VÕ DUY HOÀNG	26/10/1998	Nam	HLTT	QLTD TT	
41	TDS.VLVH.02.041	MAI TRỌNG HỘI	10/07/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
42	TDS.VLVH.02.042	BÙI MẠNH HÙNG	17/05/2007	Nam	HLTT	HLTT	
43	TDS.VLVH.02.043	ĐÀO DUY HÙNG	16/11/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
44	TDS.VLVH.02.044	LÊ VĂN HÙNG	19/07/2005	Nam	HLTT	QLTD TT	
45	TDS.VLVH.02.045	NGUYỄN VIỆT HÙNG	21/09/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
46	TDS.VLVH.02.046	CAO ĐÌNH HÙNG	20/05/2006	Nam	QLTD TT	HLTT	
47	TDS.VLVH.02.047	LÊ NGUYỄN PHÚC HUY	28/01/2007	Nam	HLTT	HLTT	
48	TDS.VLVH.02.048	NGUYỄN NHẬT HUY	12/10/2005	Nam	HLTT	QLTD TT	
49	TDS.VLVH.02.049	NGUYỄN PHAN GIA HUY	22/02/2007	Nam	HLTT	HLTT	
50	TDS.VLVH.02.050	TRẦN NHƯ KHIÊM	01/01/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
51	TDS.VLVH.02.051	VÕ HOÀNG ANH KHÔI	30/08/2004	Nam	HLTT	QLTD TT	
52	TDS.VLVH.02.052	NGUYỄN QUỐC KHÔI	05/02/2007	Nam	HLTT	YSHTD TT	
53	TDS.VLVH.02.053	CHÂU CHÍ KIÊN	06/10/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
54	TDS.VLVH.02.054	PHẠM TRẦN BẢO KIÊN	04/02/2007	Nam	HLTT	YSHTD TT	UTXT
55	TDS.VLVH.02.055	ĐÌNH KIM LOAN	25/02/1988	Nữ	QLTD TT	QLTD TT	
56	TDS.VLVH.02.056	LÊ NGUYỄN THANH LONG	05/03/2000	Nam	HLTT	HLTT	UTXT
57	TDS.VLVH.02.057	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	06/11/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
58	TDS.VLVH.02.058	NGUYỄN TRÍ MẠNH	10/03/2006	Nam	HLTT	HLTT	
59	TDS.VLVH.02.059	HUỖNH KHẢ MY	09/07/2006	Nữ	HLTT	YSHTD TT	UTXT
60	TDS.VLVH.02.060	CHÂU HOÀI NAM	14/04/2007	Nam	YSHTD TT	HLTT	
61	TDS.VLVH.02.061	ĐOÀN HUY NAM	26/01/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
62	TDS.VLVH.02.062	VÕ KIM NGÂN	09/09/2007	Nữ	QLTD TT	QLTD TT	
63	TDS.VLVH.02.063	TRẦN HIẾU NGHĨA	06/06/2007	Nam	HLTT	YSHTD TT	
64	TDS.VLVH.02.064	NGUYỄN KHƯƠNG NGUYỄN	11/09/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
65	TDS.VLVH.02.065	VÕ VĂN NGUYỄN	30/06/2005	Nam	HLTT	QLTD TT	
66	TDS.VLVH.02.066	BÙI SỸ NHẬT	22/04/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	UTXT
67	TDS.VLVH.02.067	HUỖNH THỊ YẾN NHI	01/04/1997	Nữ	HLTT	QLTD TT	
68	TDS.VLVH.02.068	LÂM NGUYỄN QUANG NHỰT	25/11/1991	Nam	HLTT	QLTD TT	
69	TDS.VLVH.02.069	TRẦN KIỀU OANH	23/09/2007	Nữ	QLTD TT	HLTT	
70	TDS.VLVH.02.070	CAO TẤN PHÁT	06/12/2007	Nam	QLTD TT	HLTT	
71	TDS.VLVH.02.071	NGUYỄN TẤN PHÁT	20/02/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
72	TDS.VLVH.02.072	NGUYỄN TRỌNG PHÚC	21/07/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
73	TDS.VLVH.02.073	NGUYỄN VĂN PHỤNG	27/08/1992	Nam	YSHTD TT	YSHTD TT	
74	TDS.VLVH.02.074	LÊ THỊ NGỌC PHƯƠNG	08/11/2004	Nữ	HLTT	YSHTD TT	UTXT
75	TDS.VLVH.02.075	ĐỖ HOÀNG QUÂN	02/02/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	UTXT
76	TDS.VLVH.02.076	LÊ NGUYỄN MINH QUÂN	05/02/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
77	TDS.VLVH.02.077	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	28/10/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	
78	TDS.VLVH.02.078	NGUYỄN LÊ MINH QUANG	18/12/2006	Nam	YSHTD TT	QLTD TT	
79	TDS.VLVH.02.079	VÕ THANH QUỐC	26/10/2006	Nam	HLTT	QLTD TT	
80	TDS.VLVH.02.080	HỒ THANH SANG	23/09/1993	Nam	HLTT	QLTD TT	
81	TDS.VLVH.02.081	HUỖNH HỒNG SƠN	24/01/2007	Nam	HLTT	QLTD TT	



192

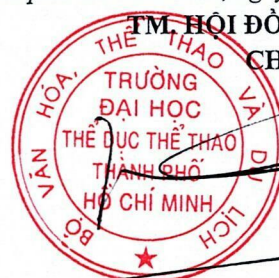
STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành NV1	Ngành NV2	Ghi chú
82	TDS.VLVH.02.082	LÊ MY TI SONE	24/07/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
83	TDS.VLVH.02.083	NGÔ ANH TÀI	08/06/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
84	TDS.VLVH.02.084	NGÔ TẤN TÀI	19/04/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
85	TDS.VLVH.02.085	NGUYỄN HỮU TÀI	08/01/1997	Nam	HLTT	QLTDTT	
86	TDS.VLVH.02.086	LÝ VĂN TẤN	13/01/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	
87	TDS.VLVH.02.087	NGUYỄN QUỐC THÁI	01/01/2006	Nam	HLTT	HLTT	
88	TDS.VLVH.02.088	DANH ĐỨC THẮNG	07/06/2007	Nam	HLTT	HLTT	
89	TDS.VLVH.02.089	PHÙNG MẠNH THẮNG	15/08/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
90	TDS.VLVH.02.090	NGUYỄN VĂN THANH	28/05/2002	Nam	QLTDTT	HLTT	
91	TDS.VLVH.02.091	VŨ THỊ THIÊN THẢO	01/10/2006	Nữ	HLTT	HLTT	
92	TDS.VLVH.02.092	NGUYỄN QUANG THẾ	21/01/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
93	TDS.VLVH.02.093	MAI CHÍ THIÊN	10/10/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	
94	TDS.VLVH.02.094	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	08/08/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
95	TDS.VLVH.02.095	NGUYỄN QUỐC THỊNH	29/04/2007	Nam	HLTT	HLTT	
96	TDS.VLVH.02.096	HUỖNH NGUYỄN TRUNG THÔNG	07/01/1998	Nam	QLTDTT	HLTT	
97	TDS.VLVH.02.097	TRẦN VÕ XUÂN TỈNH	20/01/2007	Nam	QLTDTT	HLTT	
98	TDS.VLVH.02.098	TRẦN MINH TOÀN	01/06/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	
99	TDS.VLVH.02.099	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ	04/07/2007	Nữ	HLTT	HLTT	
100	TDS.VLVH.02.100	NGUYỄN TÔ TUYẾT TRÂN	17/06/2007	Nữ	HLTT	QLTDTT	
101	TDS.VLVH.02.101	THỎ TRIỀU	22/09/1999	Nam	YSHTDTT	QLTDTT	
102	TDS.VLVH.02.102	ĐẶNG THỊ KIỀU TRINH	13/10/2007	Nữ	QLTDTT	HLTT	
103	TDS.VLVH.02.103	NGUYỄN HỒNG TRỌNG	20/07/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	UTXT
104	TDS.VLVH.02.104	NGUYỄN THẾ TRUNG	12/02/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
105	TDS.VLVH.02.105	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	19/09/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
106	TDS.VLVH.02.106	LÊ ĐÌNH TÚ	22/05/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	
107	TDS.VLVH.02.107	DƯƠNG HOÀNG VINH	08/01/2006	Nam	HLTT	QLTDTT	UTXT
108	TDS.VLVH.02.108	PHAN NHẬT VŨ	31/01/2004	Nam	HLTT	QLTDTT	
109	TDS.VLVH.02.109	TẠ TUẤN VŨ	18/12/2007	Nam	HLTT	QLTDTT	UTXT

Ghi chú: UTXT: Ưu tiên xét tuyển (miễn thi năng khiếu).

Tổng số: 109 thí sinh./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Quốc Thắng